

Hoàn thiện quy định của pháp luật về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

29/10/2025 09:30

(kiemsat.vn)

So với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã tiếp tục hoàn thiện các quy định về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong thực tiễn áp dụng pháp luật; tuy nhiên, quy định này vẫn còn bộc lộ những bất cập nhất định, cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện.

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận, kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm theo quy định của pháp luật để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Điều 143 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS năm 2015) quy định: “Chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm”. Như vậy, để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng dựa vào dấu hiệu của tội phạm xảy ra trong thực tế. Tuy nhiên, để tránh việc khởi tố vụ án hình sự một cách tùy tiện, thiếu căn cứ pháp luật, đồng thời để đạt được mục đích của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, bên cạnh quy định về căn cứ khởi tố vụ án hình sự, BLTTHS năm 2015 cũng quy định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 và một số quy định có liên quan cho thấy vẫn còn những điểm bất cập, chưa rõ ràng, có những căn cứ có sự giao thoa, trùng lặp về nội dung cần phải chỉnh sửa và đặc biệt, cần nghiên cứu bổ sung thêm các căn cứ mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện cho các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật một

cách thuận lợi, thống nhất; việc giải quyết vụ án hình sự được tiến hành khách quan, toàn diện đầy đủ, kịp thời, tiết kiệm chi phí xã hội.

1. Một số bất cập trong quy định của pháp luật về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 sử dụng một số thuật ngữ chưa rõ ràng, gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự.

Khoản 7 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự: “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác”. Có thể hiểu căn cứ không khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp này là khi trong vụ án mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì mục đích áp dụng hình phạt đối với họ không có ý nghĩa, do vậy không cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ. Khi họ đã chết, yếu tố chủ thể không còn nữa, bởi vậy các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Việc BLTTHS năm 2015 sử dụng thuật ngữ “tái thẩm” gây khó hiểu cho các chủ thể tố tụng khi áp dụng căn cứ này. Khái niệm “tái thẩm” được ghi nhận ở nhiều ngành luật khác nhau như Luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính và đều được hiểu theo nghĩa chung là việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó.

Tuy nhiên, nếu hiểu khái niệm “tái thẩm” được quy định tại Điều 157 BLTTHS như trên sẽ không hợp lý. Do vậy, cần có quy định hướng dẫn giải thích rõ thuật ngữ “tái thẩm” trong trường hợp này có nghĩa là gì?

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015 quy định chỉ khởi tố theo yêu cầu của bị hại đối với một số loại tội khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại

diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết. Đối với người dưới 18 tuổi và người đã chết thì đương nhiên quyền yêu cầu khởi tố hay không yêu cầu khởi tố thuộc về người đại diện của bị hại. Nhưng đối với bị hại là người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì chưa có văn bản hướng dẫn. Hiện nay, chỉ có Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự (TTLT số 04/2012) giải thích khái niệm này, cụ thể: “Vụ án dân sự có một bên đương sự là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người có nhược điểm về tâm thần có giấy tờ, tài liệu được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; b) Người có nhược điểm về thể chất thuộc một trong các trường hợp: bị mù hai mắt, bị câm, bị điếc có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên”. Tuy nhiên, đây chỉ là văn bản hướng dẫn áp dụng trong lĩnh vực dân sự. Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này trong tố tụng hình sự dẫn đến khó khăn cho các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc xác định quyền yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự thuộc về bị hại hay người đại diện của họ.

Thứ hai, phạm vi các vụ án khởi tố theo yêu cầu bị hại chưa bao quát hết các trường hợp trong thực tiễn.

Khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự đối với các trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố đối với 09 loại tội: Khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015). Có thể thấy rằng, điểm chung của các loại tội phạm khởi tố theo yêu cầu bị hại là những tội phạm xâm phạm tới sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân và các loại tội phạm này đều thuộc loại ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng (chủ yếu thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng). Quy định này nhằm

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong vụ án hình sự, đồng thời tạo điều kiện để cho phía bị hại và người phạm tội có thể thỏa thuận lựa chọn những cách thức giải quyết khác phù hợp với ý chí nguyện vọng của các bên, đặc biệt là giải quyết thông qua quy định của pháp luật dân sự, giúp quá trình giải quyết vụ việc nhanh chóng, tiết kiệm chi phí xã hội, bảo đảm quyền lợi của cả bị hại và người phạm tội.

Tuy nhiên, nếu so sánh về tính chất của 09 loại tội trên đối với một số tội phạm khác được quy định trong BLHS, thì có thể thấy có một số tội phạm, đặc biệt là một số tội phạm liên quan đến hành vi vi phạm khi tham gia giao thông cũng có tính chất nguy hiểm tương đương và có thể lựa chọn phương thức giải quyết khác theo thỏa thuận của bị hại và người phạm tội nhưng lại không được quy định khởi tố theo yêu cầu của bị hại như: Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (điểm d khoản 1 Điều 260); Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (điểm d khoản 1 Điều 264); Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt (điểm d khoản 1 Điều 267); Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt (điểm d khoản 1 Điều 271); Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy (điểm d khoản 1 Điều 276). Do vậy, cần nghiên cứu, đánh giá để bổ sung các thêm các tội phạm đủ điều kiện khởi tố theo yêu cầu của bị hại, tạo điều kiện cho các bên có thể thỏa thuận giải quyết vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sự.

Thứ ba, căn cứ không khởi tố quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 157 BLTTHS năm 2015 có sự giao thoa về nội dung.

Khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự khi xác định hành vi không cấu thành tội phạm. Theo quy định của BLHS hiện hành thì cấu thành tội phạm bao gồm 04 yếu tố: Mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể, khách thể. Một hành vi được coi là không cấu thành tội phạm khi thiếu một

trong bốn yếu tố trên như: Hành vi nguy hiểm cho xã hội không thỏa mãn mặt khách quan của cấu thành tội phạm; hậu quả chưa xảy ra hoặc xảy ra nhưng chưa đến mức thiệt hại mô tả trong cấu thành tội phạm; người thực hiện hành vi gây thiệt hại chưa đủ tuổi hoặc không có năng lực trách nhiệm hình sự, không có lỗi;... Như vậy, hành vi không cấu thành tội phạm được hiểu rất rộng, ngoài việc không thỏa mãn cấu thành của một loại tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS, còn bao gồm cả những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự quy định từ Điều 20 đến Điều 26 BLHS năm 2015 như: Sự kiện bất ngờ; tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự; phòng vệ chính đáng; tình thế cấp thiết; gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội; rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên.

Tại khoản 3 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự khi xác định “người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự”. Như vậy, về bản chất, căn cứ này là một phần của căn cứ hành vi không cấu thành tội phạm. Bởi vì, yếu tố chủ thể trong cấu thành tội phạm bao gồm hai nội dung là tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự. Một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không thỏa mãn điều kiện về độ tuổi tại Điều 12 BLHS năm 2015 sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự, nghĩa là không thỏa mãn điều kiện về yếu tố chủ thể trong cấu thành tội phạm. Do vậy, việc quy định tách bạch căn cứ này tại khoản 3 Điều 157 BLTTHS năm 2015 là không logic với lý luận về cấu thành tội phạm trong luật hình sự dẫn đến việc trùng lặp đối với căn cứ hành vi không cấu thành tội phạm tại khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015.

Thứ tư, quy định của BLTTHS về các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự chưa bao quát được hết các trường hợp xảy ra trong thực tế, dẫn đến việc khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Ví dụ: A chạy xe máy lấn làn, va chạm vào xe máy do B điều khiển đi theo chiều ngược lại, làm B tử vong. Hành vi của A đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy

định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS năm 2015. Sau khi gây tai nạn, A đã bồi thường cho gia đình B số tiền là 300 triệu đồng và được người đại diện hợp pháp của B tự nguyện hòa giải và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho A. Như vậy, đối chiếu với khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, A có đủ điều kiện để có thể xem xét được miễn trách nhiệm hình sự. Trường hợp này, có các quan điểm khác nhau về thời điểm miễn trách nhiệm hình sự. Quan điểm thứ nhất cho rằng, cơ quan có thẩm quyền vẫn phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó ra quyết định đình chỉ điều tra. Quan điểm thứ hai cho rằng, đối với trường hợp này không cần ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, sau đó mới ra quyết định đình chỉ điều tra để miễn trách nhiệm hình sự, mà chỉ giải quyết theo thủ tục tin báo, tố giác về tội phạm. Áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát thống nhất ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Theo tác giả, để miễn trách nhiệm hình sự cho A, Cơ quan điều tra phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can, sau đó mới có thể ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015, vì Điều 157 BLTTHS năm 2015 không có quy định về căn cứ không khởi tố trong trường hợp thuộc Điều 29 BLHS năm 2015. Do vậy, không thể ra quyết định không khởi tố trong trường hợp này.

Ngoài ra, còn có các trường hợp khác tương tự như đã có đủ chứng cứ xác định căn cứ miễn trách nhiệm hình sự khi người phạm tội thỏa mãn điều kiện miễn trách nhiệm hình sự khác tại Điều 29 BLHS năm 2015, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội tại Điều 16 BLHS năm 2015, trường hợp có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015, nhưng với quy định như hiện nay thì Cơ quan điều tra vẫn phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó mới ra quyết định đình chỉ điều tra để miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Như vậy, đối với những trường hợp này, rõ ràng Cơ quan điều tra đã có đủ chứng cứ làm căn cứ

miễn trách nhiệm hình sự ngay trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, nhưng lại không thể ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự để kết thúc vụ án mà vẫn phải tiến hành những thủ tục tiếp theo. Điều này là không cần thiết, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết, gây tốn kém, lãng phí.

Ngoài ra, khoản 4 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định: “Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật”. Đây là sự cụ thể hóa nội dung của nguyên tắc không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm quy định tại Điều 14 BLTTHS năm 2015. Theo quy định này, trong quá trình giải quyết những nguồn tin về tội phạm liên quan đến hành vi phạm tội của người mà hành vi của người đó đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố hoặc của Tòa án ban hành trong giai đoạn xét xử đã có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Vậy điều này có áp dụng đối với trường hợp vụ án đã có quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự hay không?

2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Một là, cần sửa đổi khoản 7 Điều 157 BLTTHS năm 2015 theo hướng thay cụm từ “trừ trường hợp cần phải tái thẩm đối với người khác”, bằng cụm từ “trừ trường hợp cần xác định những tình tiết có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”. Đồng thời, ban hành văn bản hướng dẫn giải thích cụ thể hơn về “những tình tiết có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”.

Để giúp các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuận lợi trong việc xác định chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố hay không yêu cầu khởi tố đối với trường hợp bị hại là người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, cần ban hành văn bản hướng dẫn giải thích rõ thế nào là người có nhược điểm về tâm thần hoặc

thể chất. Trên cơ sở quy định của khoản 4 Điều 7 TTLT số 04/2012, có thể nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn theo hướng: Người bị hại có nhược điểm về tâm thần là người bị hạn chế về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi có giấy tờ, tài liệu được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận. Người bị hại có nhược điểm về thể chất là người bị khiếm khuyết về thể chất làm cho người bị hại không thể hiện được hoặc thể hiện không đầy đủ yêu cầu của mình như mù, câm, điếc, tàn tật... có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên.

Hai là, cần tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bổ sung vào diện các loại tội khởi tố theo yêu cầu bị hại đối với các loại tội phạm khác có tính chất nguy hiểm tương đương, đồng thời căn cứ thực tiễn, với những loại tội này người phạm tội và bị hại thường thỏa thuận với nhau để giải quyết bằng các quy định của lĩnh vực luật khác (thường là thỏa thuận yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần).

Trên cơ sở đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và cách thức giải quyết vụ việc trên thực tế, có thể xem xét bổ sung đối với hành vi phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 các điều 260, 264, 267, 271, 276 BLHS năm 2015. Đối với các loại tội này thiệt hại gây ra là tài sản của cá nhân (gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng) nên việc giải quyết chủ yếu liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại. Do vậy, có thể để cho bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền quyết định yêu cầu khởi tố hay không yêu cầu khởi tố trên cơ sở thỏa thuận với người phạm tội để bảo đảm quyền và lợi ích giữa các bên. Như vậy, có thể sửa đổi khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 như sau: “Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và điểm d khoản 1 các điều 260, 264, 267, 271, 276 của BLHS mà bị hại ...”

Đồng thời, sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015 cho phù hợp với quy định trên, cụ thể như sau: “1. Chỉ ... điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và điểm d khoản 1 các điều 260, 264, 267, 271, 276 của BLHS khi ...”.

Ba là, như đã phân tích ở trên, căn cứ không khởi tố thứ hai quy định tại khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015 bao hàm nội dung của căn cứ không khởi tố thứ ba quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật này. Do vậy, để bảo đảm tính chính xác về mặt khoa học và thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong thực tế, cần sửa đổi BLTTHS theo hướng bỏ quy định tại khoản 3 Điều 157.

Đồng thời, để bảo đảm nhanh chóng, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, cần sửa đổi BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung thêm một số căn cứ mới. Trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có đủ chứng cứ để xác định người thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, hoặc thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 thì được phép ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự mà không phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó mới ra quyết định đình chỉ điều tra để miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Điều này hoàn toàn bảo đảm sự khách quan, toàn diện, bởi giai đoạn khởi tố vụ án hình sự ngày càng được quy định rõ ràng hơn với tư cách là một giai đoạn tố tụng hình sự độc lập, đặc biệt là thời hạn của giai đoạn khởi tố cũng được kéo dài hơn so với trước đây (thời hạn tối đa tính cả gia hạn là 04 tháng). Do vậy, cần bổ sung thêm căn cứ không khởi tố vào khoản 3 Điều 157 BLTTHS năm 2015: “Có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự”.

Tuy nhiên, cần sửa đổi quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015 về thời điểm miễn trách nhiệm hình sự được áp dụng cả trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, bảo đảm sự đồng bộ với quy định trên. Khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 quy định: “Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn

trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự” có thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật tùy nghi, không thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cũng chông chéo với quy định về các trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi Điều 29 BLHS năm 2015 theo hướng bỏ khoản 3, đồng thời cụ thể hóa các loại tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự này thông qua việc bổ sung thêm các loại tội khởi tố theo yêu cầu bị hại tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015 như đã phân tích, cụ thể:

“1. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:

a) Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

b) Khi có quyết định đại xá.

2. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

b) Người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;

c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận”.

Do điểm b khoản 1 Điều 29 BLHS năm 2015 quy định căn cứ miễn trách nhiệm hình sự khi có đại xá, do vậy, khi bổ sung căn cứ không khởi tố vụ án hình sự tại Điều 29 BLHS năm 2015 thì cần bỏ căn cứ không khởi tố vụ án hình sự tại khoản

6 Điều 157 BLTTHS năm 2015. Trên cơ sở tổng hợp các vấn đề đã phân tích, có thể sửa đổi lại Điều 157 BLTTHS như sau:

“Điều 157. Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:

1. Không có sự việc phạm tội;
2. Hành vi không cấu thành tội phạm;
3. Có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự;
4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;
5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;
6. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần xác định những tình tiết có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án;
7. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và điểm d khoản 1 các điều 260, 264, 267, 271, 276 của BLHS mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố”.p

Trần Ngọc Minh

Theo Tạp chí Kiểm sát in số 03/2025